

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Quang Khuyến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Xuân Nghi**; bà **Nguyễn Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M** - sinh năm 1991, có mặt.

HKTT: Thôn Đỗ H, xã Ph, huyện Th, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1987, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đỗ H, xã Ph, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Bùi Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn D** được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 24/04/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D (Ông **Nguyễn Văn Đ**, bà **Đào Thị T**) tại thôn Đỗ H, xã Ph, huyện Th. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh chị còn mâu thuẫn về cách dạy dỗ các con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 9/2021, anh D đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã về nhà đẻ ở Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh H và vợ chồng ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 26/4/2010; Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 31/3/2012 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/9/2016, các cháu đang ở với anh D, cháu Ng và cháu Ch có nguyện vọng ở với bố, chị đồng ý theo nguyện vọng của các con. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu L, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L đến khi trưởng thành. Chị là lao động tự do thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng, bố mẹ chị nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, nhà có 03 anh em, anh lớn công tác và ở Hà Nội, chị gái hiện đang lao động tại Nhật Bản, bố chị cán bộ nghỉ hưu, lương hưu trên 10 triệu đồng/ tháng, bố mẹ chị đều khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho chị nuôi con và đưa đón con chị đến trường, lớp. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Bùi Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị M trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh không bắt gặp nhưng anh phát hiện qua ghi âm điện thoại, anh đã nhắc nhở nhưng chị M không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 9/2021 anh đuổi chị M ra khỏi nhà, chị M không về nhà bố mẹ đẻ mà đi thuê nhà nơi khác ở. Anh không biết chị M ở đâu, bố con anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị M để tìm chị M về nhưng không thấy chị M. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị M vẫn còn, mong muốn chị M suy nghĩ lại và rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, chị M xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị M đồng ý cho anh nuôi cả 03 con chung thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị M trình bày là đúng. Ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả ba con, tôi không đồng ý cho chị M nuôi cháu L. Về điều kiện kinh tế, chị M là lao động tự do nên thu nhập hàng tháng không bằng anh. Anh đi bán hàng ở các tỉnh, sáng đi tối về nhà, thu nhập bình quân từ 20 triệu đến 25 triệu đồng/tháng, nhà đất bố mẹ anh rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, mẹ anh còn khỏe mạnh sẽ hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc các con. Nếu anh được nuôi cả ba con, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh cam kết đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đào Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D, là bà nội của cháu Nguyễn Thị Ánh Ng; Nguyễn Thị Ng Ch, cháu Nguyễn Thành L. Quá trình chung sống, anh D, chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị bà không nắm được, bà chỉ biết chị M thường xuyên có thái độ chống đối, không tôn trọng chồng và không muốn gắn bó với gia đình, anh D và chị M sống ly thân từ tháng 9/2021. Nay chị M

xin ly hôn anh D, bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng chị M phải thay đổi tính nết, nếu chị M không thay đổi tính nết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh D, chị M có 03 con chung, các cháu hiện đang ở với anh D và bà. Anh D có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, bà đồng ý với ý kiến của anh D, bà sẽ tạo điều kiện hỗ trợ cho anh D về chỗ ăn ở và chăm sóc các con anh D với điều kiện tốt nhất. Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh chị không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Bùi Văn Nh xác định: Ông là bố đẻ của chị Bùi Thị M, là ông ngoại của cháu Nguyễn Thị Ánh Ng; Nguyễn Thị Ngọc Ch, cháu Nguyễn Thành L. Trong thời gian chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tháng 9/2021 chị M về ở cùng với ông bà, anh D chị M sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn anh D, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh D, chị M có 03 con chung. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu L, anh D nuôi dưỡng cháu Ng, cháu Ch, trường hợp Tòa án giao cho chị M nuôi cháu L, ông bà sẽ hỗ trợ cho mẹ con chị M với điều kiện tốt nhất và đưa đón cháu L đến trường, lớp.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Phạm Kha xác định: Anh D, chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Đỗ Hạ, xã Phạm Kha. Anh D chị M có xảy ra mâu thuẫn sau đó chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đông C, xã Quang M, huyện G. Việc mâu thuẫn của anh chị ấy cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, do anh D, chị M không báo cáo nên chính quyền địa phương và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị M xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị M và anh D thỏa thuận được với nhau sẽ giao cả 03 con chung cho anh D nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 26/4/2010; Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 31/3/2012 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/9/2016 đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng

tiền nuôi con chung. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị M, anh D, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Bùi Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn D; Nơi cư trú: Thôn Đỗ H, xã Ph, huyện Th, tỉnh H; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị M nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 24/04/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị M xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh chị còn mâu thuẫn về việc dạy dỗ các con. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 9/2021 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn, anh D mong muốn đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ bạn bè và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, vợ chồng ly thân đã lâu không quan tâm đến nhau.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M, anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị M thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị M, anh D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 26/4/2010; cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 31/3/2012 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/9/2016, các cháu hiện đang ở với anh D. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thành L, anh D nuôi dưỡng cháu Ng Ánh và cháu Ng Châm, chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D không đồng ý cho chị M nuôi dưỡng cháu L, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M là lao động tự do thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu L đến khi trưởng thành, bố mẹ chị M cam kết hỗ trợ chị M trong việc chăm sóc, nuôi cháu L, chị M không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh

D là lao động tự do, thu nhập từ 20 đến 25 triệu đồng/tháng, anh đi bán hàng ở các tỉnh nhưng sáng đi chiều về. Cháu Ng, cháu Ch có nguyện vọng ở với bố.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị M, anh D không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nhưng tại phiên tòa chị M, anh D đã thống nhất, thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, chị M đồng ý cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung, anh D nhất trí. Anh D tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị M nhất trí. Anh D cam kết đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng ba con chung đến khi trưởng thành. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị M, anh D. Hội đồng xét xử: Công nhận sự thỏa thuận của chị M, anh D, giao cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ánh Ng, cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch và cháu Nguyễn Thành L. Anh D tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn D, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị M khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2- *Về con chung*: Xử Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 26/4/2010; cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 31/3/2012 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/9/2016 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi (cháu Ng, cháu Ch, cháu L hiện đang ở với anh D). Công nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004185 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị M đã nộp đủ án phí.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến